

Bản án số: 18 /2021/ HNGĐ - ST

Ngày 03 - 6 - 2021.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy – Bà Nguyễn Thị Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1994; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đặng A, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày:

Chị Nguyễn Ngọc A và anh Đặng A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Hà, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 15/11/2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể chung sống cùng nhau đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được Chị A xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A .

Về con chung: Chị A và anh A có 01 con chung là cháu Đặng P sinh ngày 15/5/2019. Ly hôn chị A có nguyện vọng trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu

P, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ anh Đặng A trình bày:

Về hôn nhân: Anh A thống nhất với chị A về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị A trình bày là đúng. Anh A xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh A và chị A được ly hôn.

Về con chung: Anh A thống nhất với chị A vợ chồng có 01 con chung như chị A trình bày. Nếu ly hôn anh A có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đặng A có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Hồng Tiến, phường Hồng Hà, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A, bị đơn anh Đặng A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Đặng A có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Hà, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp.

Chị A và anh A đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm không thể chung sống cùng nhau đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không khắc phục được chị A và anh A đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[3] Về con chung: Chị A và anh A có 01 con chung là cháu Đặng P, sinh ngày 15/5/2019. Chị A và anh A cùng có nguyện vọng trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng nuôi con chung của chị A và anh A đều chính đáng. Song việc giao con cho ai nuôi phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu Đặng P còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự trực tiếp chăm sóc của mẹ nên giao cháu P cho chị A trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Khi ly hôn cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ với con chung chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị A được chấp nhận cần buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản: Chị A và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh A phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị A, anh A quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn anh Đặng A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng P, sinh ngày 15/5/2019. Anh Đặng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đặng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh A chậm thi hành, thì hàng tháng anh A còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0008992, ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y. (Chị A đã nộp đủ tiền án phí). Anh Đặng A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung (Anh A chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Đặng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Hồng Hà, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền